

Số: 03/2023/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức phân bổ kinh phí, mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí và mức chi một số nội dung bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 101/BC-PC ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định mức phân bổ kinh phí, mức chi một số nội dung bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là văn bản) và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc lập dự toán, quyết định, phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 3. Mức phân bổ kinh phí, mức chi một số nội dung bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**

1. Mức phân bổ kinh phí:

a) Mức phân bổ kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; mức phân bổ kinh phí cho hoạt động thẩm định văn bản (nằm trong mức phân bổ kinh phí đối với từng loại văn bản, bao gồm: Kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác có liên quan đến công tác thẩm định): Quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết;

b) Ngoài mức phân bổ kinh phí quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Mức chi:

a) Mức chi một số nội dung trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp: Quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết. Căn cứ mức kinh phí được giao để thực hiện xây dựng văn bản, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quyết định thực hiện chi các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản cho phù hợp, đảm bảo tổng các mức chi này không được vượt quá mức phân bổ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Mức chi xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp thì cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện

tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Nghị quyết này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Kinh phí thực hiện**

1. Do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị.
2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

#### **Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quy định chuyển tiếp
  - a) Đối với kinh phí xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được cấp có thẩm quyền giao trong phạm vi dự toán ngân sách năm 2023, các cơ quan, đơn vị bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán đã được giao để thực hiện;
  - b) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã được cơ quan có thẩm quyền ký, ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp có thẩm quyền giao kinh phí thi việc dự toán, phân bổ, quyết toán kinh phí thực hiện theo Nghị quyết số 12/2017/NQ- HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí, mức chi đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh;
  - c) Các trường hợp còn lại thực hiện theo Nghị quyết này.
2. Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định mức phân bổ kinh phí, mức chi đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023/.

#### **Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND cấp huyện;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo, Báo, Đài PT-TH, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, PC.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Xuân Cường**

**Phụ lục I**  
**MỨC PHÂN BỐ KINH PHÍ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**LÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**

(Kèm theo Nghị quyết số: /2023/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Loại văn bản/Cơ quan thực hiện	Định mức phân bổ kinh phí (đơn vị tính: đồng/lần)					
		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
		Văn bản mới hoặc thay thế	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Văn bản mới hoặc thay thế	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Văn bản mới hoặc thay thế	Văn bản sửa đổi, bổ sung
1	Dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh <i>Quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương</i> quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là nghị quyết đặc thù)	30.000.000	24.000.000	không có nội dung này		không có nội dung này	
2	Dự thảo nghị quyết trong các trường hợp còn lại	24.000.000	19.200.000	12.000.000	9.600.000	8.000.000	6.400.000
3	Dự thảo quyết định	16.000.000	12.800.000	8.000.000	6.400.000	6.400.000	5.200.000
4	Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết đặc thù	3.000.000	2.400.000	không có nội dung này		không có nội dung này	
5	Thẩm định dự thảo nghị quyết (trừ nghị quyết đặc thù), dự thảo quyết định	2.000.000	1.500.000	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định mức kinh phí thẩm định trong định mức phân bổ cụ thể đối với từng văn bản đảm bảo tối thiểu bằng mức chi cho báo cáo thẩm định quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết.			

**Phụ lục II**  
**MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**LÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

TT	Nội dung	Mức chi (đơn vị tính: đồng)					
		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
		Văn bản mới hoặc thay thế	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Văn bản mới hoặc thay thế	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Văn bản mới hoặc thay thế	Văn bản sửa đổi, bổ sung
1	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết, quyết định	1.200.000	800.000	750.000	500.000	550.000	400.000
2	Chi soạn thảo dự thảo nghị quyết, dự thảo quyết định	4.000.000	3.200.000	2.500.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000
3	<b>Chi soạn thảo tờ trình, báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản:</b>						
a	Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết đặc thù	2.400.000		không có nội dung này		không có nội dung này	
b	Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh trong các trường hợp còn lại	1.200.000					
c	Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh; dự thảo nghị quyết, quyết định	750.000	500.000	450.000	270.000	350.000	200.000
d	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh; dự thảo nghị quyết, dự thảo quyết định	400.000	250.000	250.000	150.000	200.000	100.000
đ	Báo cáo đánh giá tác động chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản	6.400.000		không có nội dung này		không có nội dung này	
e	Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản	1.600.000		800.000		500.000	
g	Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản	1.600.000		800.000		500.000	
h	Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo văn bản	3.200.000		1.600.000		1.000.000	
i	Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2.400.000		1.200.000		800.000	

4	Chi soạn thảo văn bản góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết; dự thảo nghị quyết, dự thảo quyết định	300.000	150.000	100.000
5	Chi soạn thảo báo cáo thẩm định đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh; dự thảo nghị quyết, dự thảo quyết định	750.000	400.000	300.000
6	Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản (đồng/lần chỉnh lý)	250.000	150.000	100.000
7	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật:	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
a	Chủ trì (đồng/người/cuộc họp)	150.000	120.000	100.000
b	Thành viên (đồng/người/cuộc họp)	100.000	80.000	50.000
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	320.000	160.000	100.000
8	Chi cho cá nhân tham dự họp báo công bố văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành:			
a	Chủ trì (đồng/người/cuộc họp)	150.000	120.000	100.000
b	Thành viên (đồng/người/cuộc họp)	70.000	60.000	50.000
9	Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập đối với đề nghị xây dựng văn bản; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập	1.200.000	800.000	600.000
10	Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu: (đồng/trang-350 từ)			
a	Dịch từ một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha) sang tiếng Việt		150.000	
b	Từ tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc		180.000	
c	Từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số		120.000	
d	Hiệu đính tài liệu dịch		50.000	
đ	Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông	Mức chi biên dịch được tăng 30% so với mức chi biên dịch tại điểm a, b, c, d mục 10		

**Phụ lục III**  
**MỨC CHI XÂY DỰNG BÁO CÁO THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

TT	Nội dung	Mức chi (đơn vị tính: đồng/báo cáo)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật	4.000.000	2.000.000	1.300.000
2	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, đột xuất:	8.000.000	4.000.000	2.500.000
3	Báo cáo định kỳ hàng năm do Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp	5.500.000		
4	Báo cáo định kỳ hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Ủy ban nhân dân tỉnh <i>(qua Sở Tư pháp tổng hợp)</i>	4.000.000		
5	Báo cáo định kỳ hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện <i>(qua Phòng Tư pháp tổng hợp)</i>	1.450.000		